

HOA NGHIÊM KINH THĂM HUYỀN KÝ

QUYỂN 4

Phẩm 3: DANH HIỆU

Cũng đưa ra bốn môn phân biệt: A- Giải thích tên gọi; B- Ý đưa ra; C- Tông thú; D- Giải thích văn.

A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI có ba:

1) Tên gọi về Phần vị, từ đây trở xuống trình bày về phần thứ ba là tu nhân hợp với quả phát sinh hiểu biết. Nghĩa là từ đây cho đến Hội thứ sáu, phân rõ nói về nhân tròn vẹn của năm phần vị đã tu, thành tựu quả đầy đủ của mười thân, khiến cho các Bồ-tát hiểu rõ về tướng nghĩa này, cho nên lấy làm tên gọi.

2) Tên gọi về Hội, gọi là Phổ Quang Pháp Đường Hội. Nhưng giải thích có năm nghĩa:

a) Dựa theo Sự, nghĩa là Đức Phật phát ánh sáng chiếu rọi khắp nơi ở bên trong Đường, cho nên gọi Đường này là Phổ Quang; ở trong đó thuyết pháp, lại gọi là Pháp Đường, đây là Y chủ thích.

b) Dựa theo Pháp, nghĩa là Chân-Tục đầy đủ tất cả gọi là Phổ, diệu trí chiếu rọi rõ ràng gọi là Quang, cảnh-trí quy phạm sâu xa là Pháp, Phổ Quang này tức là Pháp. Lại giải thích về pháp của Phổ Quang, thuyết giảng ở trong Đường này, là dựa vào chủ làm tên gọi, Pháp gồm chung hai cách giải thích, Đường chỉ riêng Y chủ thích.

c) Dựa theo Cảnh, nghĩa là Phổ là Thể-Quang là Dụng, Pháp gồm chung giáo-nghĩa.

d) Chỉ dựa theo Trí, cũng nói như Cảnh.

e) Dựa theo Thật, nghĩa là pháp giới vô ngại, một Trần-một Hành đều trùng trùng hiện bày rõ ràng khắp nơi Nhân-đà-la võng, cho nên gọi là Phổ, tức là tròn sáng rực rỡ khắp nơi; lại gọi là Quang, bởi vì không có gì không chuẩn mực đích thực, cho nên cũng gọi là Pháp, là pháp thuận theo duyên trở thành bóng mát làm Đường, đều là Trì nghiệp thích. Như dùng ba Không làm môn..., dựa theo ví dụ có thể biết.

Lại Tín đầy đủ sáu phần vị gọi là Phổ, diệt trừ phiền não hiển bày về lý gọi là Quang, che mát căn cơ là Đường. 3-Tên gọi về Phẩm, danh hiệu của Như Lai là Y chủ thích; hoặc Như Lai là danh hiệu, bởi vì Như Lai là một trong mười hiệu. Trong đó, Danh là tên gọi riêng biệt như Thích-ca..., Hiệu là mười hiệu làm tên gọi chung của chư Phật. Lại gọi đến Thế là Danh, nêu rõ Đức là Hiệu; lại cũng là Danh Hiệu không có gì khác nhau, như trong văn nói.

B. Ý đưa ra cũng có ba:

1) Trình bày về Phần vị đưa ra, trước đây đã nêu ra quả khuyến khích sinh lòng tin tưởng vui thích, nay trình bày về nhân có thể đạt được của quả ấy khiến cho phát sinh hiểu biết đích thực, cho nên tiếp theo đưa ra.

2) Hội đưa ra, bởi vì Tín vốn là đầu tiên trong tu nhân, cho nên tiếp theo đưa ra. Lại nói là Hội trước trình bày về cảnh của niềm tin thụ động, nay phân rõ về hành của niềm tin chủ động, vốn là nghĩa theo thứ tự.

Hỏi: Ba phẩm như Danh Hiệu lẽ nào thuộc về niềm tin chủ động?

Đáp: Bởi vì thành tựu niềm tin cho nên cùng Hội mà phân rõ.

Hỏi: Trước đây lẽ nào không thành tựu niềm tin? Đáp: Tất cả dựa theo cảnh mà phát sinh niềm tin. Cảnh có hai nghĩa: Một, nêu ra pháp của toàn cảnh để trình bày là có nơi tồn tại; hai, thấu nhiếp để dựa vào tâm khiến cho thành tựu Tín Hạnh. Hội trước dựa vào nghĩa đầu, trong này dựa theo nghĩa sau. Lại Hội trước thì mở rộng về quả mà tóm lược về nhân, thuận theo nhau cùng thuộc về quả, trong Hội này mở rộng về nhân mà tóm lược về quả, thuận theo nhau cùng thuộc về nhân.

Hỏi: Điều là pháp của quả, vì sao Hội trước trình bày về Y báo, trong Hội này giải thích về Chánh báo?

Đáp: Bởi vì Y báo hiện bày rõ ràng dễ thấy cho nên phân rõ trước, Chánh báo ẩn kín sâu xa khó biết cho nên giải thích sau. Vả lại, nếu dựa theo Phật thì trước cần phải nương vào Tịnh độ, sau phân rõ về Chánh báo. Lại cũng có thể thuộc về lẫn nhau, tùy ý nêu ra đều được.

Hỏi: Trình bày trong tu nhân, vì sao Hội này và Hội thứ sáu đều có pháp của quả cùng Hội, các Hội trung gian không có trường hợp này?

Đáp: Hội này là bắt đầu của tu nhân mà mang lại quả cùng Hội, nhưng quả ở đầu Hội, Thập Địa... là cuối cùng của thành tựu về nhân, cũng mang lại quả cùng Hội mà quả ở cuối Hội. Đây đều là hiển bày dựa vào quả hải để khởi nhân tròn vẹn, nhân đầy đủ trở lại dung hòa

quy về quả tròn vẹn. Đây chính là tiêu chí rộng lớn và tinh tế từ đầu đến cuối trong văn này.

3) Phẩm đưa ra, có hai cách giải thích: Một nói là phẩm trước trình bày về Y quả, phẩm này trình bày về Chánh báo. Trong Chánh báo không có sai lầm về ba nghiệp, phẩm này trình bày về thân nghiệp ứng với khắp nơi, nghĩa là danh hiệu vốn dựa vào thân mà lập ra, phẩm Tứ Đế trình bày về khẩu nghiệp của Phật rộng khắp mọi nơi, phẩm Quang Minh Giác trình bày về ý nghiệp của Phật giác ngộ khắp nơi. Nhiếp phục ba Luân, cùng là Chánh báo, nhưng thân nghiệp thô nhất cho nên phân rõ trước mà thôi. Hai giải thích rằng: Dựa theo hỏi đáp ở văn sau. Lại phẩm này trình bày về nghĩa của quốc độ Hải, phẩm trước đã phân rõ về thế giới Hải, tức là trình bày Thể tùy duyên hiển bày về Tướng của quả ấy, nay thì dựa theo duyên trở lại hiển bày rõ ràng về Thể của quả ấy. Phân rõ về tướng thật sự đã dựa vào, cho nên tiếp theo đưa ra. Đều nối thông với ba thế gian, suy nghĩ có thể thấy. Vả lại, Hội trước dựa theo Hoa Tạng, Hội này dựa theo Nhẫn Độ, có ý là...

C. TRÌNH BÀY VỀ TÔNG THỨ cũng có ba:

1) Trình bày về phần Tông nối thông đến Hội thứ sáu, bởi vì cùng là một lần hỏi đáp, vì thế cần phải phân rõ như nhau, nghĩa là hai vòng nhân quả này, đầu là Tướng-sau là Thể, trước là nhân quả duyên khởi, sau là lý thật.

2) Dựa theo Hội cũng có hai, đó là người và pháp. Người cũng có hai, đó là thụ động Tín-chủ động Tín. Trong thụ động Tín, Hóa chủ nội chứng về Độ-Hải là Thể, bảy ngày tư duy là Tướng. Lại vẫn như trạng thái ấy là Tướng, gia hộ thuyết giảng là Dụng. Lại hiện bày thân thông và chiếu rọi ánh sáng là Dụng. Trong Trợ hóa, Văn Thù dùng Diệu Tuệ trong Tín làm Thể, Đức thù thắng Cát Tường là Tướng. Lại khắp tất cả mọi nơi là Tướng, đã nói điều lợi ích cho chúng sinh là Dụng, nghĩa là nói kệ...

Trong chủ động Tín cũng có hai: a) Dựa theo nhân, chứng tịnh là Thể, đầy đủ đức là Tướng, nghiệp hạnh công đức thù thắng là Dụng, đều như phẩm Hiền Thủ nói, xem xét đưa ra...; b) Dựa theo quả, trong Tín đã hiển bày pháp giới vô tận là Thể, đức thù thắng của mười thân là Tướng, thuận với cơ giáo hóa làm lợi ích là Dụng, cũng như phẩm Hiền Thủ nói.

Pháp cũng có hai: a) Dựa theo cảnh, nghĩa là trong Tín thì Độ-Hải bình đẳng là Thể, dựa theo cơ nói là mười và đức thù thắng là Tướng, tương ứng với hành giáo là Dụng; b) Dựa theo hành, nghĩa là Tín hành

nội chứng là Thể, dung hòa thân nhiếp các phần vị là Tướng, thành Phật làm lợi ích chúng sinh là Dụng.

Hỏi: Không biết Phật Lô-xá-na này là Phật trong phần vị nào?

Đáp: Nếu nói về pháp của Tín thì Phật trong Tín, phần vị khác cũng như vậy, nên suy nghĩ.

3) Dựa theo Phẩm, cũng có hai: a-Dựa theo Tướng, dùng thân Như Lai-danh hiệu ứng với khắp nơi-mang lại nhiều lợi ích cho chúng sinh làm Tông; b-Dựa theo Thật, dùng quốc độ Hải của mười Phật làm Tông.

D. GIẢI THÍCH VĂN: Ở trong một lần hỏi đáp về phần tu nhân hợp với quả phát sinh hiểu biết này, phần trường hàng có ba: 1) Phần tựa; 2) Phần thừa thỉnh; 3) Phần thuyết giảng. Trong này Tựa cũng nối thông đến Hội thứ sáu sau này, thừa thỉnh-tuyên thuyết cũng như vậy.

Trong phần Tựa có ba: Một, nêu ra trú xứ của Phật trình bày về Khí thế gian; hai, từ “Thiện giác trí...” trở xuống là ca ngợi công đức của Phật trình bày về Trí chánh giác thế gian; ba, từ “Dữ thập Phật độ...” trở xuống là ca ngợi công đức của Bồ-tát phân rõ về Chúng sinh thế gian.

Trong phần một tương truyền: “Phổ Quang Đường ở phía Đông Nam cây Bồ-đề khoảng hơn ba dặm trong chỗ uốn khúc của sông Ni-liên, lúc Đức Phật mới thành đạo, các rồng trông thấy Đức Phật ngồi trống trải dưới cội cây, liền vì Đức Phật tạo ra Pháp đường này.” Bởi vì các rồng phần nhiều làm bóng che để cúng dường mà thôi. Lại bởi vì Pháp đường này gần cây cho nên cùng nêu ra với nơi chốn. Lại theo kinh này lấy cây Bồ-đề làm chính, những nơi khác đều không là nơi này. Lại trong này lúc bắt đầu đạt được là dựa theo pháp của Tín mà phân rõ, Liên Hoa Tạng là Tín Hạnh mở rộng là nhiệm thân nhiếp công đức, dựa theo pháp chuẩn mực. Lại trong kinh Đại Tập, Bồ-tát đạt được Liên Hoa Đà-la-ni, cho nên những nơi thuyết pháp đều có tòa hoa sen. Nghĩa còn lại đều giải thích giống như trước.

Hai, từ “Thiện giác trí...” trở xuống giải thích về Trí chánh giác thế gian thù thắng, trong đó mười câu, văn giống như mười câu đầu trong hai mươi mốt loại công đức thù thắng của Thọ dụng thân ở Nhiếp Luận, như hai mươi mốt câu tổng quát đầy đủ đầu Hội thứ bảy sau này. Nay theo Nhiếp Luận và Phật Địa luận giải thích về mười câu này, một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt.

Trong tổng quát, Thiện giác trí thì trí ấy gọi là Chánh giác, nghĩa là đầy đủ chín đức sau gọi là Thiện giác. Bởi vì thuận theo lý là bỏ tà

gọi là Chánh, gọi là Thiện; sáng suốt dựa theo quán sát gọi là Giác, gọi là Trí.

Trong riêng biệt: Một, không có hai niệm là công đức luôn luôn không có gì chướng ngại, nghĩa là bởi vì lìa xa hai chướng, bởi vì khác với phàm phu-Tiểu thừa. Lại đối với các cảnh như thời gian-nơi chốn xa xôi... không có hai hiện hành về biết-không biết, vì vậy nhờ không có hai niệm cho nên gọi là Thiện giác trí. Hai, thông hiểu rõ ràng pháp tánh, Luận gọi là hưởng về pháp Vô tướng, đây là công đức có thể tiến vào không hai, cũng gọi là công đức phương tiện điều phục cảm hóa, nghĩa là tự mình có thể tiến vào Chân như thanh tịnh lìa xa tướng có-không, cũng khiến cho người khác tiến vào. Ba, trú vào trú xứ của Phật là quán sát công đức đã điều phục cảm hóa, nghĩa là trú trong Đại Bi thường thường quán sát thế gian. Lại vốn là tùy ý vận dụng không tốn công sức làm lợi ích cho hữu tình, công đức không ngừng nghỉ. Lại vốn an trú trong Thánh Thiên và Phạm trú. Bốn, giống như chư Phật, nghĩa là đạt được công đức sự nghiệp tương tự chư Phật, ở trong Pháp thân mà dựa vào ý thích làm việc không sai khác, tức là lý trí làm lợi ích chúng sinh cả ba pháp không sai khác. Năm, đến nơi vô ngại là công đức đã đối trị vĩnh viễn đoạn trừ, nghĩa là tu đạo đối trị hai chướng, thành tựu hiện rõ trước mắt, đã đến nơi giải thoát tất cả chướng ngại vốn là nơi đã dựa vào. Sáu, đầy đủ pháp không lui sụt là công đức làm cho ngoại đạo khuất phục, nghĩa là chứng được giáo pháp, ngoại đạo không thể nào lay chuyển, làm cho ngoại đạo khuất phục vốn là hiển bày về đạo pháp đúng đắn của mình. Bảy, cảnh giới không làm hư hoại là công đức làm cho ma oán khuất phục, nghĩa là trong cảnh thuận nghịch không thể nào làm trở ngại đến tâm, tuy ở thế gian mà tám pháp không làm vấy nhiễm, bởi vì cảnh thế gian làm tâm rối loạn ngăn trở pháp thiện gọi là ma, trí này làm cho ma ấy phải hàng phục. Tám, trú vào không nghĩ bàn là công đức an lập giáo pháp, nghĩa là giáo pháp đã nói ra vượt lên trên tất cả cảnh giới của suy nghĩ tìm tòi. Chín, cùng thông hiểu ba đời là công đức thọ ký riêng biệt về ba đời, nghĩa là thọ ký riêng biệt về quá khứ-vị lai đều như hiện tại, rõ ràng không khác nhau cho nên gọi là cùng thông hiểu. Đây đủ chín loại riêng biệt này làm thành câu tổng quát thứ nhất, đồng-dị-thành-hoại dựa theo suy nghĩ có thể thấy.

Ba, trong phần giải thích về Chúng sinh thế gian, có hai: Trước là chọn lựa xác định về người ấy, sau là ca ngợi thật đức ấy.

Trong phần trước có bốn: Một, lựa chọn nhiều khác với ít, nghĩa là vi trần số quốc độ của mười Phật. Hai, lựa chọn lớn khác với nhỏ, nghĩa

là Đại Bồ-tát. Ba, lựa chọn sau khác với trước, nghĩa là Nhất sinh Bồ xứ. Bốn, lựa chọn mới khác với cũ, nghĩa là từ phương khác đến quy tụ. Nhưng bốn phần vị này lấy trước hướng về sau, lần lượt chuyển tiếp rất khác lạ đều có thể dựa theo biết được.

Trong ba là Nhất sinh có ba nghĩa: 1) Dựa theo trong loài người; 2) Dựa theo trên cõi trời; 3) Dựa theo thân hạ sinh, đây chính là Hóa tướng. Nếu dựa theo Thật báo trong bốn loại Biến dịch báo, thì chỉ có một phần vị hãy còn tồn tại là cuối cùng không có sinh tử, cho nên nói là Nhất sinh. Ý kinh này dựa theo nghĩa trước để phân rõ.

Trong phần sau là ca ngợi thật đức, văn có tám câu, nghĩa có bảy cặp. Một, hai câu về thuốc-bệnh là một cặp, nghĩa là câu đầu hiểu rõ về chủng tánh căn khí kia, câu sau chứng sâu xa về pháp giới đã giảng dạy. Hai, thường cố gắng suy nghĩ... trình bày về nhiễm-tịnh là một cặp, nghĩa là như trong Nhiếp Luận: “Phần nhiễm Biến kế trong Y tha khởi gọi là sinh tử, phần tịnh trong Viên thành gọi là Niết-bàn, hai phần không khác gọi là một Y tha. Nếu thấy một phần thì tánh của phần còn lại không khác, vì vậy kinh nói: Như Lai không thấy sinh tử, không thấy Niết-bàn.” Lại Trung Luận nói: “Thế giới và Niết-bàn không có mảy may sai biệt. Đây gọi là nhiễm-tịnh vô ngại, bốn câu dung hòa thâm nhiếp: Hoặc là dùng gốc thuận theo ngọn chỉ riêng thế gian, hoặc là ngược lại thì đây chỉ riêng Niết-bàn, hoặc là dung hòa với nhau mà cùng hiện rõ, hoặc là so sánh làm mất đi mà cả hai không còn. Khéo léo quán sát về lý này gọi là Thiện tư, luôn luôn quán sát không ngừng gọi là Thường tư.” Ba, nhân-quả là một cặp, nghĩa là nghiệp nhân-quả báo của các chúng sinh sai biệt đủ loại, hiểu rõ những điều này đều dựa vào các Thức-Tâm-Hành của chúng sinh mà được thành lập. Bốn, giáo-nghĩa là một cặp, đó là Nghĩa là nghĩa của các pháp đã giải thích, Vị là giáo của các pháp chủ động giải thích, là Danh-Cú-Vị thân. Năm, ràng buộc-giải thoát là một cặp, nghĩa là quán sát về tướng thế gian ấy tức là Không, cho nên gọi là pháp lìa thế gian, không cần phải làm hỏng thế gian. Sáu, lý-sự là một cặp, nghĩa là bởi duyên mà khởi lên pháp gọi là hữu vi, chân lý vô tánh gọi là vô vi. Hiểu duyên tức là Chân mà không làm hỏng duyên khởi, thì gọi là cứu cánh phân biệt vô vi; lý phai mờ chỉ có sự mà không mất lý, gọi là cứu cánh phân biệt hữu vi. Văn sau nói: Từ cõi hữu vi vượt ra cõi vô vi, mà cũng không làm hỏng cõi hữu vi, vô vi cũng như vậy, có thể suy nghĩ dựa theo đây. Bảy, ba đời là một cặp, nghĩa là biết ba hiện tại đều thâm nhiếp quá khứ-vị lai, và hòa vào ngay trong nhau, đó là mười đời, không giống như không có, xuyên qua gọi

là thông suốt, đối với ba đời này không có gì không thông đạt. Trên đây là phần Tựa, xong.

Thứ hai là phần thừa thỉnh, trong này gồm chung văn thừa thỉnh ở năm Hội sau. Trong đó có ba: 1) Nghi đến thừa thỉnh; 2) Nghi đến thừa hỏi; 3) Nghi đến hiện tại.

Trong phần thừa hỏi, các Pháp sư như Dụ Phạm... tách ra làm 124 câu hỏi, đó là 10 câu đầu hỏi về hành tự Thể của Pháp thân, 100 câu phần giữa hỏi về hành khởi tu của Báo thân, 14 câu sau hỏi về hành bình đẳng của Phương tiện thân. Lại nếu gộp với 90 câu hỏi ở phần giữa làm thành 9 câu hỏi thì gồm có 43 câu hỏi. Sư Quang Thống gộp với tâm tùy hỷ... làm thành một câu hỏi, tức là 34 câu hỏi, 10 câu đầu hỏi về pháp của Phật quá khứ (tiên tế), 10 câu tiếp theo hỏi về pháp của Phật hiện tại (trung tế), 14 câu sau cuối hỏi về pháp của Phật vị lai (hậu tế), đến Hội thứ sáu sau này mới đáp.

Nay dựa vào đây giải thích tổng quát phân làm ba: Đầu là 10 câu hỏi về quả dựa vào nơi nhân, tiếp là 10 câu hỏi về nhân phát khởi nơi quả, sau là 14 câu hỏi về quả đạt được nơi nhân. Nhiếp Luận nói: “Không có gì không từ Pháp thân này phát ra, không có gì không trở lại chứng Pháp thân này, cần phải trình bày về nhân dựa vào quả thành tự mà vẫn có thể kiểm chế đối với quả, quả có thể buông bỏ đối với nhân mà vẫn là nhân thành tựu quả, nhân quả tác thành lẫn nhau bởi vì duyên khởi không có tánh, không có tự tánh tức là Chân pháp giới, không có tánh tức là Thể không trở ngại duyên khởi, Chân pháp giới không làm hỏng nhân quả.” Nghĩa của lý thật duyên khởi nhân quả dựa vào đây mà lập ra. Lại 10 câu hỏi đầu, đáp chung trong ba phẩm đầu của Hội này.

Nếu riêng biệt từng phần thì phẩm Tứ Đế đáp một câu hỏi về thuyết pháp, phẩm Quang Minh Giác đáp hai câu hỏi về thế lực của Chánh giác, phẩm này đáp những câu hỏi còn lại, đáp chung thuận theo văn. Từ phẩm Minh Nạn về sau là ba phẩm riêng biệt tự có hỏi, bởi vì Tín không thành tựu phần vị, cho nên không có nói đến Thập Tín thừa hỏi xa xôi, không giống như Thập Trú...

Trong 10 câu hỏi đầu tiên này có hai giải thích:

Một là dựa theo hai quả y-chánh để hỏi, đó là 1) Hỏi chung về Y báo Tịnh độ; 2) Hỏi chung về Chánh báo Pháp thân; 3) Hỏi về vật dụng trang nghiêm của quốc độ; 4) Hỏi về Pháp thân đã chứng; 5) Hỏi về quốc độ lia nhiễm; 6) Hỏi về thuyết pháp sau khi chứng; 7) Hỏi về Thể của quốc độ trước đây; 8) Hỏi về vàng sánh sáng của Chánh báo;

9) Hỏi về quốc độ ứng với duyên khởi, 10) Hỏi về hiện bày sự việc như tám tướng Chánh đẳng giác...

Hai là chỉ dựa Độ-Hải để hỏi, dựa theo văn sau và kinh Anh Lạc, bởi vì Hội này trình bày về nghĩa của quốc độ Hải. Trong 10 câu, 5 câu trước trình bày về các đức đầy đủ của quốc độ, 5 câu sau trình bày về Thể-Dụng đầy đủ trọng vẹn của quốc độ.

Lại một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt, quốc độ có chín nghĩa: 1) Nghĩa về trú riêng biệt, đó là hoa sen hồng... như Nhiếp Luận nói; 2) Nghĩa về đầy đủ đức, đó là Lý-Hạnh-Sự... đều có tô điểm qua lại; 3) Nghĩa về quy phạm duy trì, đó là pháp của quốc độ dựa vào chứng mà đạt được không giống nhau; 4) Nghĩa về lìa nhiễm, đó là tự tánh cùng với Tướng và Dụng đều thanh tịnh; 5) Nghĩa về thành tựu giáo, đó là dựa theo lời nói hiển bày về quốc độ như nói về các thế giới; 6) Nghĩa về tự Thể, đó là Lý-Trí-Thức-Sự đều có Thể; 7) Nghĩa về Diệu Dụng, đó là uy lực của ánh sáng thấu nhiếp làm cho khuất phục...; 8) Nghĩa về duyên khởi, đó là cội Phật phát khởi tùy theo căn cơ chúng sinh, lại khiến cho tùy theo cội mà phát khởi nhân hạnh, lại tùy theo cội mà Phật xuất hiện cho nên cũng nói là phát khởi, đây là thuận theo kinh Đâu Sa, lại tùy theo nhân duyên đầy đủ mà cội được phát khởi, như phát khởi đầy đủ nhân duyên của thế giới...; 9) Nghĩa về hiện rõ giác ngộ, đó là các sát hải hiện rõ thành tựu Chánh đạo, bởi vì y-chánh vô ngại. Nghĩa còn lại dựa theo trong phần đáp ở văn sau mà biết.

Tiếp theo là 10 câu hỏi trong nhân, từ phẩm Thăng Tu-di về sau đến phẩm Bồ-tát Trú Xứ đưa ra để đáp, chín câu đầu là hỏi dựa theo phần vị Tự hành, sau từ Tùy hỷ trở xuống là hỏi về hạnh tùy duyên hóa vật. Trong câu đầu, mười Tạng vì sao hỏi ở sau Hội Hương, sau đáp ở trước Hội Hương, là bởi vì Tạng có hai nghĩa: Một là nghĩa về sinh ra cho nên ở sau Hội Hương, bởi vì sinh ra chứng trí Địa thượng; hai là nghĩa về thấu nhiếp cho nên ở trước Hội Hương, bởi vì thấu nhiếp các hành khiến cho thành tựu Hội Hương. Bởi vì hai nghĩa này, hai nơi hiển bày lẫn nhau cho nên không trái ngược nhau. Mười Nguyên đáp trong Địa thứ nhất. Mười Định đáp trong phẩm Thập Nhẫn, bởi vì tâm Quán dung nạp lý là Nhẫn, tâm Chỉ không tán loạn là Định, Chỉ Quán vô ngại chỉ là một tâm, hai nơi đều hiển bày một nghĩa. Bởi vì các Bồ-tát duyên với cảnh Chân-Tục đều có hai nghĩa, một là không điên đảo, hai là không tán loạn, đầy đủ như Lương Nhiếp Luận nói mà thôi. Mười Tự tại đáp trong phẩm Thập Minh, bởi vì tác dụng rõ ràng đích thực cho

nên lập ra hai tên gọi, bởi vì dịch tách riêng kinh Bồ-tát Bốn Nghiệp, cho nên trong câu hỏi ấy cũng gọi là Thập Minh, trong kinh Đâu Sa gọi là Thập Phi Pháp. Lại mười Đảnh không thấy đáp riêng, người xưa có lúc đem kinh Phạm Võng vào đây so sánh kết hợp nói là điều này có thể sai, sợ rằng khó mà sử dụng theo. Nay tìm theo mười nơi thuyết pháp của kinh ấy, sáu nơi giống với kinh này. Kinh ấy nói ở Hóa Lạc Thiên thuyết về 10 Thiên định, Sơ thiên thuyết về 10 Kim Cang tâm, Nhị thiên thuyết về 10 Nguyên, Tam thiên thuyết về 10 Nhẫn, Tứ thiên tại cung Ma-hê Thủ-la thuyết về pháp môn Tâm Địa, không nói đến Trùng Hội Phổ Quang và Trùng Các Kỳ Hoàn. Vả lại, hỏi ở kinh này cùng với kinh ấy có giống nhau và không giống nhau, cho nên khó sử dụng mà thôi.

Có người nói phẩm Bất Tư Nghị có đáp, nhưng phẩm Bất Tư Nghị... đã đáp câu hỏi sau quả, không có thể thuộc về nơi này. Lại phẩm Tăng Kỳ trình bày về 10 số lớn, nhân vị là cuối cùng trong số cuối cùng, cho nên cũng có thể nói là 10 Đảnh, nhưng bắt đầu phẩm này tự có hỏi về điều khác, cho nên cũng khó thuộc về phẩm này. Trong phẩm Thọ Mạng 10 tầng Phật độ lên đến cuối cùng, cõi Phật của Hiền Thủ ở tầng cao nhất cho nên gọi là Đảnh, nhưng có 10 tầng cho nên nói là 10 Đảnh, cũng có thể không hại gì, bởi vì bắt đầu phẩm ấy đã không có thưa hỏi gì khác, cho nên có thể là đáp. Trong này dựa theo hướng xuống dưới tôn trọng trên cao để hỏi, văn dưới dựa vào nơi ấy nối tiếp nhau mà đáp. Vả lại, chỉ kinh này ở văn sau có hỏi riêng biệt mà ở đây không có hỏi, về sau nếu không có hỏi mà có nói thì tức là đáp về câu hỏi này, vì vậy cần phải biết.

Từ “Tùy hỷ tâm...” trở xuống là trình bày câu hỏi về tùy duyên khởi hạnh của Bồ-tát, tức là đáp ở phẩm Bồ-tát Trú Xứ, bởi vì trong văn ấy trình bày về Bồ-tát tùy cơ ứng hiện khắp mọi nơi khởi lên công hạnh thù thắng, ở đây dựa theo hạnh chủ động dựa vào để hỏi, sau dựa vào nơi của hành đã trú để đáp. Dựa vào đây mà phân định trong pháp của Phật hiện tại, hỏi đáp thuộc về nhau cũng rất rõ ràng mà thôi.

Sau trong phần trình bày về tùy duyên hóa tha: Một là thấy người khác ít thiện mà tâm vẫn tùy hỷ; hai là cảm hóa chúng sinh khiến cho tiếp nối Phật chủng, nghĩa là gieo hạt giống Phật vào ruộng của chúng sinh... Hai tâm này là tâm Hóa tha. Sau là trình bày về hạnh Hóa tha, nghĩa là vì sao không gián đoạn? Bởi vì cứu độ. Cứu nơi nào? Phiền não vốn là trong vọng tưởng. Cứu như thế nào? Nhận biết vốn là căn hành. Dùng cách nào để cứu? Hiểu rõ vốn là thuốc pháp. Làm sao cứu

độ thành tựu? Nghĩa là khiến cho lìa bỏ cấu nhiễm của Tập, vượt qua tai nạn của Khổ, quyết đoán nghi ngờ về Đạo, chứng được ái Diệt. Như thứ tự bốn câu nên biết!

Trong phần hỏi về pháp của Phật vị lai có 14 câu hỏi, từ phẩm Bất Tư Nghị đến phẩm Phổ Hiền cùng đáp. Trong đó, pháp thù thắng là pháp Bồ-đề thù thắng, giống như văn trên. Không động chuyển là bởi vì không có sử dụng công sức. Nghĩa còn lại phần nhiều giống như giải thích ở Hội trước.

Thứ ba trong phần thuyết giảng nối thông với năm Hội sau đáp về những câu hỏi trước đây. Trong đó phân ba: 1) Trong Hội này đáp 10 câu hỏi đầu về pháp của Phật quá khứ ở trước; 2) Từ Hội thứ ba trở xuống đáp về pháp của Phật hiện tại; 3) Từ phẩm Bất Tư Nghị trở xuống đáp về pháp của Phật vị lai.

Ngay trong phần một có hai: Trước là quy tụ chúng hiển bày về trọn vẹn, sau là đối với duyên chính thức thuyết giảng. Trong phần trước có hai: Đầu là trình bày về chủ động quy tụ, sau là trình bày về thụ động quy tụ.

Trong phần đầu có hai ý: Một là hướng về trước để đáp câu hỏi, hai là hướng về sau để quy tụ chúng. Trong ý trước nhận biết tâm niệm là hiểu rõ những điều đã hỏi. Lại nêu ra khí lượng của tâm tiếp nhận giáo pháp, tức là giống như cảnh tượng ấy. Hiện bày thần lực là hiện bày cảnh tượng mà đáp, làm thỏa mãn khí lượng ấy, nghĩa là như những điều đã nghĩ đến, như 124 câu hỏi trước đây, và về sau đến Hội thứ sáu đưa ra những pháp môn đã nói để đáp câu hỏi này, đều ở trong thân pháp giới của Như Lai, không có gì không viên minh lập tức hiện rõ cảnh tượng ấy. Vì thế cho nên mở rộng đến năm Hội sau mà không kéo dài, một thân lập tức hiện bày mà cũng không ngăn ngại. Vả lại, sáu phần vị rõ ràng nhưng không sai khác, viên dung hòa vào ngay trong nhau mà không làm hỏng là nguyên cơ này, khiến cho Đại chúng nhìn thấy cảnh tượng này mà tưới thấm tâm tư trống rỗng, tức là đáp mà thôi. Bởi vì họ nghĩ rằng: Nguyên vì con hiện rõ cảnh tượng, cho nên nay hiện rõ cảnh tượng. Về sau kinh nói: Trong Pháp thân thanh tịnh không có cảnh tượng nào mà không hiện rõ. Lại cảnh tượng là nghĩa của duyên tập hợp mà thành tựu vô ngại, bởi vì khí lượng-tâm niệm của căn cơ phù hợp với thân Phật mà trở thành cảnh tượng này. Lại bởi vì thân Phật ứng với căn cơ mà hiện rõ cảnh tượng này, đều có hai nghĩa về Không-Hữu và nghĩa về hữu lực-vô lực, bốn câu dung hòa thâm nhiếp không có nghĩa phân biệt, suy nghĩ điều này. Lại bởi vì ứng

với căn cơ hiện rõ cảnh tượng làm lay động thâm nhiếp công năng là lực của thần thông lực.

Hai là vì quy tụ chúng, là Đức Thế Tôn đưa ra mọi người quy tụ. Nhận biết tâm niệm, là phân rõ về nguyên cơ quy tụ chúng. Như cảnh tượng ấy, là trình bày về xứng pháp hợp với cơ. Hiện bày thần thông lực, là chính thức trình bày về triệu tập chúng khiến cho quy tụ. Lại như cảnh tượng đã nói mà hiện bày thần lực, khiến cho Bồ-tát ở phương khác trông thấy ánh sáng thần thông này, biết là thuyết về pháp ấy mà đến quy tụ nơi này; cũng khiến cho Đại chúng ở đây thấy cảnh tượng này của Phật, biết chắc chắn là thuyết giảng về pháp mà mình đã hỏi, hoan hỷ mà trú. Vì sao biết như vậy? Bởi vì ánh sáng nơi thân Như Lai có hai loại, một là ẩn kín cho nên khó biết, hai là hiển bày để cho nhận biết. Trong để cho nhận biết về điều đó, tùy theo sự thích ứng mong thuyết giảng về pháp gì, mà ánh sáng nơi thân Đức Phật trước tiên hiện rõ cảnh tượng ấy, khiến cho Đại chúng trông thấy rồi biết là thuyết giảng về pháp ấy, như lúc thuyết về Bát-nhã (so sánh trong Trí Luận), như lúc thuyết về Pháp Hoa..., cho nên nói là như cảnh tượng ấy mà hiện bày thần thông.

Trong phần sau là thụ động quy tụ, mỗi một phương trong mười phương đều có ba thế gian, có thể biết. Lại đều có tám nghĩa: Một là xa gần, hai là nêu ra tên gọi của quốc độ, ba là nêu ra danh hiệu của Phật, bốn là Bồ-tát đứng đầu, năm là thâm nhiếp quyến thuộc, sáu là đến nơi này chào hỏi cung kính, bảy là hóa làm chỗ ngồi, tám là ngồi theo phương của mình. Thế giới cùng tên gọi là Sắc, biểu thị cho pháp ở phần vị Tín vốn là tướng thô hiện rõ; Phật cùng tên gọi là Trí, biểu thị đầu tiên trong Tín vốn là Thủ giác từ Bốn giác phát khởi; Bồ-tát cùng tên gọi là Thủ, biểu thị cho Tín là đầu tiên của nhân.

Danh và nghĩa của Văn Thù tóm lược nói theo năm nghĩa: Một gọi là Văn Thù Sư Lợi, hoặc gọi là Thi Lợi, hoặc gọi là Mạn Thù Thất Lợi, hoặc dịch là Kính Thủ, hoặc nói là Phó Thủ, lại nói là Nhu Thủ, lại nói là Diệu Đức, lại nói là Diệu Cát Tường. Trong này mười Bồ-tát dựa vào bản văn Phạm cùng tên gọi là Thất Lợi, trong kinh Đâu Sa cũng cùng tên gọi là Sư Lợi. Lại tiếng Phạm gọi đầu là Thất Lợi, Cát Tường Đức... cũng là Thất Lợi, cho nên dẫn đến phiên dịch không giống nhau. Hai là nơi sinh ra, nếu dựa vào kinh Văn Thù Bát Niết Bàn thì sinh trong nhà Bà-la-môn ở cõi này, sau khi Phật diệt độ 400 năm, đã nhập Niết-bàn ở đỉnh Hương Sơn. Nếu theo kinh này thì Bồ-tát hiện ở tại núi Thanh Lương thuộc phương Đông; kinh Tịch Điều Âm cũng nói: “Về phương

Đông cách đây một vạn thế giới Phật, có quốc độ tên gọi Bảo Trú, Đức Phật danh hiệu là Bảo Tướng, Bồ-tát ở quốc độ ấy.” Ba là trình bày về thầy trò, theo kinh Phóng Bát thì xưa kia Văn Thù là thầy của Thích-ca, kinh này nói là mẹ của chư Phật ba đời, thầy của tất cả Bồ-tát. Bốn là trình bày về phần vị, nếu dựa theo nhân thì chính là Bồ-tát Thập Địa, bởi vì thường trú trong Tam-muội Thủ Lăng Nghiêm; nếu dựa theo quả thì theo kinh Thủ Lăng Nghiêm nói là ở thế giới Bình Đẳng thuộc phương Nam, thành Phật hiệu là Long Chủng. Năm là trình bày về đức dụng, theo kinh Như Huyền Tam Muội thì làm cho ma phải hàng phục... là lực điều phục chúng sinh, theo kinh Hiện Bảo Tạng thì Ca-diếp gạt bỏ... là lực thần thông thù thắng, thuận theo Không quyết định luận bàn chất vấn thì chính là Tuệ lực. Đây là dựa theo Tam thừa. Như phẩm Quang Minh Giác ở sau thì tất cả mọi nơi... là Nhất thừa.

Bồ-tát các phương đều cúi rạp đầu đánh lễ Đức Phật, nghĩa về lễ Phật sơ lược đưa ra ba môn: Một là số lần lễ lạy, hai là nghi thức cung kính, ba là trình bày về quả đạt được. Trong phần một là ba nghiệp lễ lạy, có hai ý: 1) Bởi vì có ba nơi lễ lạy; 2) Hiển bày Đức Phật có Thiên nhân-Thiên nhĩ-Tha tâm thông.

Hai là nghi thức cung kính có bảy, như trong chương Khổng Mục... Ba là quả đạt được có hai: 1) Gần thì đạt được năm quả... 2) Xa thì đạt được Phật quả như phẩm Hiện Thủ nói...

Ngồi theo phương của mình, dựa vào Trí Luận quyển thứ 12: “Ngoại đạo pháp khác khinh thường Đức Phật cho nên ngồi, Bạch y như khách cho nên ngồi, tất cả thân tâm của năm chúng là thuộc về Đức Phật cho nên đứng. Nếu Đại A-la-hán việc làm đã xong thì cho phép ngồi, ba quả còn lại không cho phép ngồi bởi vì việc lớn chưa làm xong; như vua có bề tôi quan trọng thì được ngồi, còn lại đều đứng.” Nay ở đây đều là Đại Bồ-tát vì vậy được phép ngồi mà thôi.

Trong phần hai là đối với duyên chính thức thuyết giảng, có hai: Đầu là ba phẩm chính thức cùng đáp câu hỏi trước đây; sau là ba phẩm dựa vào luận mà phát sinh luận, hỏi riêng-đáp riêng. Lại giải thích ba phẩm trước là duyên của hành chủ động phát khởi, ba phẩm sau là tướng của hành thụ động phát khởi. Lại giải thích trước là cảnh của quả thụ động duyên vào, sau là hành của nhân chủ động duyên vào. Bởi vì Tín hành này là phương tiện của trú, tự mình không có phần vị riêng biệt, cho nên ban đầu không có hỏi.

Ngay trong ba phẩm trước có năm: Một, ca ngợi về chúng hiếm có; hai, nhắc lại câu hỏi tổng quát nêu ra; ba, nêu ra để hiển bày về

Thể; bốn, nêu ra Thể để phân rõ về Tướng; năm, nêu ra Tướng trình bày về Dụng.

Trong phần một là ca ngợi về chúng hiếm có, vì sao thưa hỏi Đức Phật mà Văn Thù đáp? Bởi vì đã giống như Tuệ của Phật, bởi vì Diệu Tuệ của Cát Tường thông hiểu về Độ-Hải, bởi vì tăng thêm tâm vui mừng hớn hở của các Bồ-tát. Vì sao không nhập định? Bởi vì Tín không có phần vị. Hội trước lẽ nào có phần vị sao? Bởi vì đức của quả này sâu xa vi tế. Trong này lẽ nào không có pháp của quả hay sao? Bởi vì là thành tựu về nhân, bởi vì gồm chung đầy đủ nhiều nhân. Ca ngợi về hiếm có thì tóm lược do hai nghĩa: 1) Bởi vì một Hội này chính là nơi hội tụ tất cả hư không pháp giới...; 2) Bởi vì Hội này chính là pháp môn, đều nói như phẩm Quang Minh Giác.

Trong phần hai là nhắc lại câu hỏi, Đức Phật xuất hiện là nhắc lại hai câu hỏi thứ bảy-thứ tám trước đây; A-nậu Bồ-đề là nhắc lại thị hiện thành Chánh giác trước đây; hoặc là Đức Phật xuất hiện nhắc lại thị hiện thành Chánh giác, hai câu hỏi thứ bảy-thứ tám lược qua không nhắc lại. A-nậu Bồ-đề là gồm chung kết luận, những câu còn lại giống như trước có thể biết. Tổng quát nêu ra câu đầu không thể nghĩ bàn là xuyên qua nối thông các câu, cho nên kết luận nói rằng đều là không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn, đại ý trong này là đối với pháp giới cùng một vị, nghĩa phân làm hai: 1) Độ và Hải là chủ động tùy theo, 2) Cơ và duyên là thụ động tùy theo. Hai loại này không hai, tất cả dung hòa vô ngại. Nếu dùng duyên thuận theo Thể thì Tướng ấy viên dung không có riêng biệt mà có thể riêng biệt, ngôn từ giảng giải không đạt tới được. Nếu dùng Thể thuận theo duyên thì lại phù hợp trở thành duyên khởi sai biệt. Dựa theo duyên khởi biểu hiện khác nhau này trở lại hiển bày về Thể của quốc độ vô cùng tuyệt diệu khó mà suy nghĩ, là ý của không thể nghĩ bàn. Bởi vì nghĩa này cho nên nghĩa của không thể suy nghĩ (bất tư) có đối với ba loại: Một là giải thích về nương vào duyên, trở lại hiển bày về Thể của quốc độ không còn nghĩa của duyên; đây tức là lời ở trong duyên mà ý ở ngoài duyên, cho nên nói là không thể nghĩ bàn. Hai là đã dựa theo duyên hiển bày về quốc độ, bởi vì duyên khởi như trần số, khiến cho Thể của quốc độ thuận theo duyên phù hợp trở thành sai biệt; đây tức là trình bày về quốc độ không có riêng biệt của riêng biệt, riêng biệt mà không riêng biệt, cho nên không thể nghĩ bàn. Ba là duyên không có duyên riêng biệt, bởi vì Thể tức là duyên, cho nên duyên khởi sai biệt tức là Độ và Hải rất sâu xa; đây gọi là lý rất gần mà khó biết, cho nên không thể nghĩ bàn. Suy nghĩ!

Trong phần ba là nêu ra để hiển bày về Thể, trước nêu ra nói là vì sao có thể biết không thể nghĩ bàn, sau hiển bày về Thể nói là vì sao pháp của chư Phật tùy theo những nơi đã giáo hóa ấy đều là pháp giới. Bởi vì hai môn cùng dung hòa, bởi vì không có ranh giới hạn chế; đây là dựa theo Thể để giải thích tóm lược.

Trong phần bốn là nêu ra Thể để phân rõ về Tướng, trước nêu ra Thể nói là vì sao có thể biết pháp giới sai biệt vô biên..., sau phân rõ về Tướng nói là chưa luận đến thế giới hư không khắp mười phương. Tạm thời dựa theo một cõi Ta-bà này mà nói sơ lược phân rõ về mười loại để hiển bày vô tận, vô biên cõi khác nên dựa theo đây mà biết. Các loại thân này đều có các đức, giải thích là thân Phật..., cho nên về sau phân rõ danh hiệu không giống nhau, tức là giải thích về các loại tên gọi. Nay tìm kỹ càng trong văn này, và dựa theo kinh Đâu Sa, đây chính là chúng sinh đã được giáo hóa chứ không phải là Phật chủ động giáo hóa. Bởi vì câu dài này là ngữ pháp của các nước Tây Trúc, thích hợp nên nói là giáo hóa tất cả các loại thân... cho đến chúng sinh không giống nhau làm một câu, điều đã thấy cũng khác nhau làm một câu, nghĩa thì có thể hiểu. Chỉ vì quốc độ của Phật bình đẳng không có gì riêng biệt mà có thể riêng biệt, cho nên dựa vào chúng sinh đã được giáo hóa sai biệt để phân rõ về Tướng sai biệt của Độ-Hải.

Ở trong 10 câu: 1) Tổng quát đưa ra thân năm Uẩn sai biệt; 2) Dựa vào thân lập ra tên gọi không giống nhau; 3) Thân ở tất cả mọi nơi; 4) Tùy theo các loại nơi chốn mà có các loại hình thể, Sắc nghĩa là màu sắc trắng-đen...; 5) Tùy theo có thân hình mà thọ mạng có dài ngắn; 6) Thức có thể đạt được các cảnh, hoặc tu hành chứng được phạm vi; 7) Thể của cảnh hòa vào căn, hoặc là trí có thể tiến vào pháp, hoặc là hiểu rõ tiến vào môn khác; 8) Tóm lược chỉ có sáu căn, mở rộng có hai mươi hai căn, hoặc là năm căn như Tín..., hoặc là lợi-độn-sinh-thục..., như sau nói ở phần các căn Hải thuộc Hồi Hương thứ chín; 9) Các nẻo sai biệt, hoặc là bốn Sinh loại-năm nẻo như rừng rậm của sinh hành...; 10) Nghiệp khác-báo khác như rừng rậm của nghiệp hành... Dựa vào bản Phạm và kinh Đâu Sa, mỗi một câu này đều có các loại, lời nói còn lại tóm lược cho nên như vậy, vì thế kết luận rằng các loại chúng sinh không giống nhau. Điều đã thấy cũng khác, thì không phải là đích thực nghiệp báo y-chánh sai biệt vô biên, trong tâm suy nghĩ nhìn nhận hy vọng đều khác. Trong kinh Đâu Sa nói là tất cả đều có nghe âm thanh của Đức Phật. Lại cũng chín câu trước phân rõ về báo sai biệt, câu thứ mười trình bày về nghiệp sai biệt, đây là hiển bày về thấy sai biệt. Lại

nói phạm vi sai biệt của chúng sinh này là Tướng của Độ-Hải, có ba nghĩa giải thích, như phân rõ ở phần không thể nghĩ bàn trong mục nêu ra trước đây.

Trong phần năm là nêu ra Tướng phân rõ về Dụng, trước nêu ra Tướng nói là thụ động tùy theo căn khí sai biệt có thể như vậy, chủ động tùy theo sai biệt làm sao có thể thấy? Giải thích về Dụng nói rằng căn cơ khác nhau phù hợp hiện rõ Phật pháp nhiều môn khó có thể nói đầy đủ, dựa vào khác nhau mà luận có ba: 1) Dụng của thân-danh ứng với khắp nơi; 2) Dụng của ngôn-giáo rộng khắp mọi nơi; 3) Dụng của vãng ánh sáng chiếu rọi khắp nơi. Đều làm quy phạm cho phần sau. Lại có thể phân hai: Một là Phật, hai là Pháp. Trong Phật cũng có hai: Một là Thân, hai là Danh. Pháp cũng có hai: Một là Thật, hai là Quyền. Trong đó, Phật thân và Thật giáo sai biệt khó trình bày, nói giống như phẩm Quang Minh Giác. Phật danh và Quyền giáo dễ dàng phân rõ sai biệt, hai phẩm này luận riêng biệt. Lại giải thích đây là hai phẩm đầu, Văn Thù nêu ra nghĩa trả lời những câu hỏi trước đây; một phẩm sau, Như Lai nêu ra sự để trả lời giải thích thành tựu về nghĩa trước đây. Ngay trong hai phẩm trước phân rõ về hai pháp Danh và Giáo, sai biệt này đã như những câu hỏi ở trên. Nghĩa về cõi Phật... sai biệt khó suy nghĩ, cùng với ý về pháp giới... còn lại ở đây, tức là đáp chung.

Ngay trong phần đầu giải thích về tên gọi khác nhau có hai: Trước là hiển bày về tên gọi khác nhau, sau từ “Thị giai...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ khác nhau. Trong phần trước có hai: Đầu là nêu ra, sau là giải thích. Trong giải thích có ba: Một là phân rõ về cõi này, hai là các cõi khắp mười phương, ba là tận cùng pháp giới.

Hỏi: Trong này, danh hiệu là chỉ riêng tên gọi của Phật Lô-xá-na, hay là gồm chung các Đức Phật khác?

Đáp: Nếu dựa theo Tam thừa, thì chỉ riêng trăm ức vạn trong cõi này là tên gọi Thích-ca, các cõi khắp mười phương là tên gọi của Đức Phật khác. Nếu dựa theo Nhất thừa, thì toàn bộ pháp giới đều là tên gọi Xá-na.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao văn trước đây nói chư Phật mười phương thuyết pháp biết rõ tâm hành của chúng sinh cõi ấy...?

Đáp: Đều là nơi giáo hóa của Đức Phật này, bởi vì không có Đức Phật nào khác; lại là trong Hải Ấn của Đức Thích-ca hiện ra, cho nên không có Đức Phật nào khác. Lại giải thích như tên gọi của một Đức Phật đã khắp nơi mười phương, Phật ở mười phương khác cũng đều như vậy khắp nơi mười phương. Lại nếu như cơ Tam thừa, thì ở trong các thế

giới hệ (tứ thiên hạ) này tùy theo đều nghe Phật hiệu ngay nơi cõi ấy, chưa hẳn biết là tên gọi của Đức Phật ở nơi khác. Nếu là cơ Nhất thừa, thì trong một lúc lập tức tiếp nhận tất cả danh hiệu, bởi vì ứng với tên gọi của tất cả các cơ. Một cơ có thể tiếp nhận ấy vốn là cơ Phổ Hiền, bởi vì một cơ tức là tất cả các cơ. Và lại, danh hiệu này nếu theo Tiểu thừa thì tức là Thật danh. Tam thừa Sơ giáo thì tên gọi tức Giả-tức Không. Chung giáo thì tên gọi này tức là bình đẳng giống với Chân như, kinh nói: Danh tự lìa xa tánh, thì gọi là giải thoát. Đốn giáo thì tất cả đều không còn tên gọi, không có tên gọi cùng lìa xa. Viên giáo cũng cùng lìa xa bởi vì không chướng ngại tên gọi. Nay một tên gọi tức là tất cả tên gọi, tất cả tên gọi hòa vào một tên gọi mà không làm hỏng-không ngăn ngại, thâm nhiếp hết tất cả pháp giới, gọi là Nhân-đà-la vông.

Hỏi: Đại thiên thế giới này, theo kinh luận khác thì trong Đại Vi Sơn bằng phẳng có đủ 100 ức thế giới hệ, Thượng phương-Hạ phương không thể nào lại có thế giới hệ, nếu Thượng-Hạ đều có thì mỗi một thế giới hệ đều có Thượng-Hạ, vì vậy phải có 300 ức, vì sao vẫn nói chỉ có 100 ức?

Đáp: Nếu như thật xứ của Tiểu thừa thì lý không có gì thay đổi; nếu Tam thừa thì tuy là Không-Chân như..., mà không ngăn ngại sự cho nên không làm hỏng sự vốn có; nếu sự này là Nhất thừa thì vô ngại viên dung tự tại, vì thế cho nên trong này trình bày về xứ tùy theo giáo mà viên dung, thuận theo mười số để hiển bày vô tận. Một cõi Ta-bà này có hai loại dung hòa: Một là lấy nơi thuyết pháp mà làm trung tâm, làm thành chủ-bạn dung hòa 100 ức thế giới hệ ấy khiến cho có Thượng-Hạ, làm cho được tròn vẹn vì thế không có 300 ức. Hai là dù cho một thế giới hệ bên cạnh Vi Sơn gần phương Đông nhất là chủ thuyết pháp, chính là trung tâm dung hòa những thế giới hệ kia, mà vẫn có đầy đủ quyền thuộc mười phương, bởi vì các thế giới hệ đều hướng về nơi khác là bạn, hướng về chính mình là chủ, vậy thì Vi Sơn cũng tùy theo dung hòa thay đổi. Nghĩa về dung hòa của các cõi khác khắp mười phương dựa theo như vậy. Đây là dựa theo Nhất thừa giáo. Nếu dựa theo Tam thừa giáo thì không có thể như vậy, như kinh luận khác giải thích.

Ta-bà, Trung Hoa nói là Kham Nhẫn, kinh Bi Hoa nói: “Chúng sinh trong cõi này vì những sai lầm như tham-sân-si..., Phạm Vương nén chịu đựng điều đó cho nên lấy làm tên gọi.” Kinh Phóng Bát nói v.v... Tu-bồ-đề, Trung Hoa nói là Thiện Thật; Ha-ni, Trung Hoa hoặc nói là nghĩa về Xả, hoặc nói là sinh diệt, bởi vì ngôn ngữ này khó mà xác định. Bà-già-bà có sáu nghĩa v.v... Y-na-bà-na, Trung Hoa nói là

Vương Lâm, nghĩa là lúc Đức Phật còn làm Thái tử, sinh ở trong rừng này cho nên lập ra tên gọi này.

Trong phần sau là giải thích về nguyên cơ khác nhau có ba: 1) Nhắc lại căn cơ; 2) Thi thiết giáo hóa; 3) Ý của giáo hóa.

Trong phần 1 có hai ý: Một nói là những danh hiệu này khắp nơi pháp giới, hãy còn tự mình tạm thời dựa vào Đức Phật có duyên có thể giáo hóa chúng sinh mà có sai biệt này, chứ không phải là nói tất cả. Hai nói là căn cơ này sao có thể có duyên với Phật, nghĩa là Đức Phật xưa kia trải qua nhiều kiếp tu hành, thấy nghe tùy hỷ... cho nên có duyên (lại có nghịch thuận v.v... như trong biệt kí)

Trong phần hai là thi thiết giáo hóa có năm câu: a) Câu đầu nói tổng quát về ba Luân nhiếp hóa khéo léo; b) Phương tiện của ngữ nghiệp; c) Phương tiện của thân nghiệp; d) Phương tiện của ý nghiệp; e) Thi thiết giáo hóa hợp với căn cơ.

Lại giải thích: a) Câu đầu là thân hiện rõ oai nghi, bởi vì thân nhiếp chúng sinh cho nên nói là đủ loại phương tiện; b) Ngữ nghiệp là Phạm âm...; c) Pháp đã thuyết đó là vì trời-người mà nói về nghiệp báo..., vì hàng Nhị thừa mà nói về Quyền đạo tức là Tứ Đế.

Trong phần ba là ý của giáo hóa, đó là tùy ý nói về các pháp như trời-người-Nhị thừa..., muốn làm cho tất cả nhận biết về pháp của Như Lai.
